

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tư pháp tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 11/TTr-STP ngày 4 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tư pháp tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (để b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, KGVX (D);
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH

Trương Quốc Huy

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH
TƯ PHÁP TỈNH HÀ NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 03 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I.	LĨNH VỰC HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI				
1.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.
2.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	07	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.
3.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	04	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.
4.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	05	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh Hà Nam		thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.
5.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.
6.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.
7.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác				thương mại.
8.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.
9.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.
II	LĨNH VỰC LUẬT SƯ				
1	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.
2	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư;
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	50.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư;
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm	01	Trung tâm Phục vụ hành chính	50.000 đồng/hồ sơ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hữu hạn một thành viên		công tỉnh Hà Nam		- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
5	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	01	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư;
6	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	50.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư;
7	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	50.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
III	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH				
1	Thủ tục cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	100.000 đồng	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	3.000.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	68	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	2.500.000 đồng	
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	58	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	2.500.000 đồng	
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày với TH có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 35 ngày với TH không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	100.000 đồng	
IV	LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	02	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	
3	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	
4	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	
5	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	15	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	1.000.000 đồng/hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	- thay đổi Trưởng Văn phòng là 02 ngày - các trường hợp thay đổi khác là 03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại. -
8	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	14	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;
9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.
10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	14	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;
11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.
12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	14	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại;
13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát	03	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lại		công tỉnh Hà Nam		hoạt động của Thừa phát lại.
V	LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI				
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại.
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	04	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	1.000.000 đồng (Một triệu đồng).	
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	<ul style="list-style-type: none"> - 1.000.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; - 3.000.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. 	
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				
5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	04	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).	
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	03	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 1.500.000 - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài: 1.000.000 - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000	
VI	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM				
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền	Trong ngày	- Đối với người yêu cầu đăng ký là pháp nhân, nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	80.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	với đất)		Hà Nam;		08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam. - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
2	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	Trong ngày	- Đối với người yêu cầu đăng ký	80.000 đồng/hồ sơ	
3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	Trong ngày	là Hộ gia đình, cá nhân, nộp hồ sơ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện;	80.000 đồng/hồ sơ	
4	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu\	Trong ngày	- UBND xã nơi có đất trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã;	Không	
5	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	Trong ngày		60.000 đồng/hồ sơ	
6	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Trong ngày		Không phải nộp	
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày		70.000 đồng/hồ sơ	
8	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	Trong ngày		80.000 đồng/hồ sơ	
9	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày		20.000 đồng/hồ sơ	
VII	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ,	Trong ngày	Tổ chức hành	2.000 đồng/trang; từ	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		ngành công chứng	trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày	Tổ chức hành nghề công chứng	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày	Tổ chức hành nghề công chứng	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC					
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p>
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện		
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	10.000 đồng/trường hợp	
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang,	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
				tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	
7	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	10.000 đồng/trường hợp	
8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	10.000 đồng/trường hợp	
9	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	02 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	02 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/văn bản	
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	02 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/văn bản	
II	LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	8	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	1.200.000 đồng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng	tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam; - Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về phí và lệ phí trong lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.	
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	12	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	1.200.000 đồng		
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	12	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Đăng ký khai sinh: 70.000 đồng; - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.200.000 đồng.		
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng		
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng		
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Trong ngày đối với việc bổ sung hộ tịch. - 02 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	25.000 đồng		
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân	05	Bộ phận tiếp	70.000 đồng		- Luật Hộ tịch năm 2014;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		nhận và trả kết quả cấp huyện		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam; - Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về phí và lệ phí trong lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng	
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng	
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng	
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng	
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	1.200.000 đồng	
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	70.000 đồng	
16	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC					
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;
2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	10.000 đồng/trường hợp	
3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	
4	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	
5	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
				đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	
6	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;
7	Chứng thực di chúc	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/di chúc.	
8	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	
9	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	
10	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/văn bản	
II	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI				
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	18	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	400.000đ/trường hợp	- Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.
III	LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
1	Đăng ký khai sinh	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	7.000 đồng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam; - Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND
2	Đăng ký kết hôn	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	15.000 đồng	
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Đăng ký khai sinh: 7.000 đồng; - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng.	
5	Đăng ký khai tử	Trong ngày	Bộ phận tiếp	7.000 đồng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nhận và trả kết quả cấp xã		ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về phí và lệ phí trong lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
6	Đăng ký khai sinh lưu động	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng	
7	Đăng ký kết hôn lưu động	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	
8	Đăng ký khai tử lưu động	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	7.000 đồng	
9	Đăng ký giám hộ	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- 02 ngày với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch. - trong ngày với yêu cầu bổ sung hộ tịch	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	10.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam; - Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	02	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	10.000 đồng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
13	Đăng ký lại khai sinh	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	7.000 đồng	ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về phí và lệ phí trong lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	7.000 đồng	
15	Đăng ký lại kết hôn	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	25.000 đồng	
16	Đăng ký lại khai tử	03	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	7.000 đồng	
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP

STT	Tên thủ tục hành chính
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP	
I. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH	
1	Thủ tục thông báo có quốc tịch nước ngoài
II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điếm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điếm chỉ được)
III. LĨNH VỰC LUẬT SƯ	
1	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
2	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh
3	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật
4	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
5	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư
6	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư
7	Giải thể Đoàn luật sư
IV. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT	
1	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản
2	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động
3	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật
4	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh
V. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	
1	Công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh

2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh
VI. LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN	
1	Thu hồi Thẻ đấu giá viên
2	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
3	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp
4	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác
VII. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN	
1	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
2	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
3	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên
4	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
5	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
6	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên
7	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
VIII. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI	
1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc
2	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp.
3	Đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại
4	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại
5	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
6	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại
8	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt

9	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.
10	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
11	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
12	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
13	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
IX. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI	
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
5	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
6	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài
7	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
9	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
10	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
11	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
12	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
13	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
14	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
15	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài
16	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài

17	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài
18	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên
19	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN	
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)
II. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	
1	Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện
2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ	
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC	
1	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)